TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÃNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi;

Bà Lương Thị Phượng.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Lộc Nam Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Yg, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Chu Văn Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong hồ sơ vụ án chị Nông Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị H và anh Chu Văn Q đăng ký kết hôn ngày 22/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, chị Nông Thị H và anh Chu Văn Q chung sống với gia đình nhà chồng tại thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc. Từ năm 2019 anh Chu Văn Q nghiện ma túy, đã thực hiện cai nghiện nhưng không được. Hàng ngày anh Chu Văn Q thường xuyên có hành vi chửi bới, xúc phạm, hành hạ về thể xác và tinh thần của chị Nông Thị H. Bản thân chị Nông Thị H đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Từ tháng 9 năm 2022 anh Chu Văn Q bỏ nhà đi, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa, thỉnh thoảng anh Chu Văn Q về gặp chị Nông Thị H để đe dọa, đòi tiền khiến chị bị áp lực về tinh thần. Xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị Nông Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Chu Văn Q.

Về con chung: Chị Nông Thị H và anh Chu Văn Q có một con chung là cháu Chu Thị Quỳnh N, sinh ngày 26/12/2012. Khi ly hôn chị Nông Thị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Chu Thị Quỳnh N đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Chu Văn Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Nông Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chu Văn Q trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị Nông Thị H vì xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Anh Chu Văn Q đồng ý để chị Nông Thị H nuôi cháu Chu Thị Quỳnh N, anh Chu Văn Q không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của cháu Chu Thị Quỳnh N. Cháu Chu Thị Quỳnh N trình bày nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Nông Thị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị H được ly hôn với anh Chu Văn Q. Giao con chung là cháu Chu Thị Quỳnh N cho chị Nông Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh Chu Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi

con. Không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Chị Nông Thị H, anh Chu Văn Q phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nông Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn và con chung với bị đơn anh Chu Văn Q; cư trú tại thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chị Nông Thị H và anh Chu Văn Q có đăng ký kết hôn. Do đó xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nông Thị H có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Chu Văn Q mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị H và anh Chu Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị H và anh Chu Văn Q là hợp pháp. Chị Nông Thị H và anh Chu Văn Q đều xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nhất trí ly hôn. Từ tháng 9 năm 2022 vợ chồng anh chị ly thân, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, hiện nay anh Chu Văn Q sống ở đâu chị Nông Thị H không biết. Xét thấy các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nông Thị H yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nông Thị H và anh Chu Văn Q có một con chung là cháu Chu Thị Quỳnh N, sinh ngày 26/12/2012. Khi ly hôn chị Nông Thị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chu Thị Quỳnh N đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Chu Văn Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Chu Văn Q nhất trí với yêu cầu của chị Nông Thị H, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Chu Thị Quỳnh N. Xét thấy, ý kiến của chị Nông Thị H và anh Chu Văn Q về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Chu Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị Nông Thị H không yêu cầu anh Chu Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nông Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân

Xử cho chị Nông Thị H ly hôn với anh Chu Văn Q.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung

Giao cháu Chu Thị Quỳnh N, sinh ngày 26/12/2012 cho chị Nông Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Chu Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Chu Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí

Chị Nông Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị H đã nộp đủ án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001941 ngày 23/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo

Chị Nông Thị H, anh Chu Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã H, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Hằng